TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 3 năm 2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

Ông Nguyễn Lơn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông Ngô Bảo Nhật Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 647/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1974

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh K. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê M, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh K. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: Bà và ông Lê M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2021 thì ông M bỏ nhà ra ngoài sống, không còn quan tâm tới gia đình và vợ con, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và ông M.

Về con chung: Bà và ông M có với nhau 03 con chung là Lê Thị Kim T, sinh năm 1994, Lê B, sinh năm 1995 và Lê Đ, sinh năm 1998. Các con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai; biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Lê M trình bày: Ông và bà Phạm Thị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn và đã có với nhau 03 con chung như bà L đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2021 thì vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay bà L yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà L.

Về con chung: Các con chung đều đã thành niên nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được gồm: Đơn xin xác nhận; Giấy khai sinh Lê Thị kim T, Lê B và Lê Đ (bản phô tô); bản photo chứng minh nhân dân Phạm Thị L và Lê M, Sổ hộ khẩu (bản phô tô).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị L và ông Lê M; về con chung: Các con chung đều đã thành niên, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông M đều xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem

xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, bị đơn ông M cư trú tại: thôn T, xã N, thị xã H, tỉnh K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và ông Lê M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy của luật hôn nhân và gia đình thì không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị L và ông Lê M có 03 con chung là Lê Thị Kim T, sinh năm 1994, Lê B, sinh năm 1995 và Lê Đ, sinh năm 1998. Các con chung đều đã thành niên và không có con chung đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị L và ông Lê M đều xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị L và ông Lê M.

2. Về con chung: Các con chung đều đã thành niên và không có con chung đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị L và ông Lê M đều xác định

không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004303 ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Phạm Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã Ninh Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Trung